

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-SNN ngày.....tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đvt: đồng

Nội dung	Số tiền
THỰC HIỆN TIẾT KIỆM CHI 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 58/NQ-CP NGÀY 08/6/2021 CỦA CHÍNH PHỦ	6.890.596.043
Bao gồm:	
1. Quản lý nhà nước (Loại 340)	703.964.351
- Kinh phí thường xuyên (tự chủ)	449.364.351
Văn phòng sở	137.097.174
Chi cục Thủy sản	21.500.000
Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	53.118.677
Chi cục Kiểm lâm	237.648.500
- Kinh phí không thường xuyên (không tự chủ):	254.600.000
Văn phòng Sở	254.600.000
KP thanh, kiểm tra chuyên ngành	254.600.000
2. Chi sự nghiệp kinh tế: (Loại 280)	6.186.631.692
a) Sự nghiệp lâm nghiệp:	1.243.443.119
- Ban quản lý RPH Long Thành	386.335.646
Kinh phí thường xuyên	99.760.313
Kinh phí không thường xuyên:	286.575.333
<i>KP PCCCR</i>	206.704.085
<i>KP QL BVR</i>	51.071.248
<i>Lập hồ sơ rà soát đất lâm nghiệp để cấp giấy chứng nhận QSDĐ</i>	28.800.000

Nội dung	Số tiền
- Ban quản lý RPH Xuân Lộc	37.530.000
Kinh phí không tự chủ	0
<i>KP PCCCR</i>	<i>4.000.000</i>
<i>KP QL BVR</i>	<i>33.530.000</i>
- Ban quản lý RPH Tân Phú	226.751.313
Kinh phí tự chủ:	226.751.313
- Trung tâm DVNN tỉnh	211.136.700
Kinh phí không tự chủ	
<i>Kinh phí PCCC rừng</i>	<i>181.510.700</i>
<i>Kinh phí Quản lý BVR</i>	<i>29.626.000</i>
- Chi cục Kiểm lâm	320.536.500
Kinh phí không tự chủ	0
<i>KP Phòng chống cháy</i>	<i>91.530.800</i>
<i>Kinh phí Quản lý bảo vệ rừng, Quản lý động vật hoang dã; Thanh tra Pháp chế, Sử dụng và phát triển rừng</i>	<i>22.426.000</i>
<i>Kinh phí kiểm tra truy quét các cơ sở CBLS</i>	<i>16.000.000</i>
<i>Vệ sinh tuyến hàng rào điện có chiều dài 50 km trên địa bàn hai huyện Vĩnh Cửu và Định Quán</i>	<i>17.432.100</i>
<i>Bảo trì hàng rào điện và các bảng cảnh báo</i>	<i>95.900.000</i>
<i>KP hoạt động của lực lượng Kiểm lâm xử phạt VPHC</i>	<i>23.580.000</i>
<i>Dự án thí điểm mô hình trồng rừng kinh doanh gỗ lớn</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Dự án thí điểm mô hình trồng rừng thích ứng với biến đổi khí hậu</i>	<i>1.300.000</i>
<i>Quản lý, bảo vệ và vận hành tuyến hàng rào điện (25km) trên địa bàn huyện Định Quán</i>	<i>24.367.600</i>

Nội dung	Số tiền
<i>Thực hiện dự án REDD+</i>	27.000.000
- Văn phòng sở	61.152.960
Kinh phí không tự chủ	0
<i>KP QL và điều hành BV & PTR</i>	61.152.960
b) Sự nghiệp nông nghiệp:	4.869.553.725
- Chi cục Trồng trọt, BVTV - Thủy Lợi	342.000.000
Kinh phí không thường xuyên:	
<i>Hội thi trái ngon và Hội nghị xúc tiến thương mại trái cây năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	342.000.000
- Chi cục Thủy sản	241.875.971
Kinh phí không thường xuyên:	
<i>Kinh phí thực hiện các chương trình Thủy sản</i>	153.020.639
<i>Kinh phí thực hiện chỉ thị 01/TTg/1998/CT-TTg</i>	25.407.258
<i>Kinh phí kiểm tra các cơ sở theo thông tư 17,38</i>	40.823.300
<i>Kinh phí quan trắc</i>	17.924.774
<i>Kinh phí thực hiện đề án Tây nam</i>	4.700.000
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp	1.245.093.689
Hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2020	394.493.689
Kinh phí không tự chủ	
<i>KP lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án</i>	850.600.000
- Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	397.625.770
Kinh phí không tự chủ	
<i>KP nhiệm vụ chuyên môn (chương trình mục tiêu phối hợp)</i>	33.900.000
<i>Chương trình hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm</i>	47.625.770
<i>CT Mỗi xã phường một sản phẩm.</i>	158.850.000

Nội dung	Số tiền
<i>Đề án nông nghiệp Đô thị Tây Nam</i>	52.850.000
<i>Nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh (Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018)</i>	104.400.000
- Chi cục chăn nuôi và thú y	673.056.000
Kinh phí không tự chủ	
<i>KP quản lý chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi</i>	77.056.000
<i>KP hoạt động của lực lượng Thú y xử phạt VPHC lĩnh vực chăn nuôi giết mổ gia súc, gia cầm</i>	21.000.000
<i>Kinh phí phòng chống dại</i>	50.000.000
<i>Kinh phí truy xuất nguồn gốc</i>	49.000.000
<i>KP kiểm tra đánh giá, phân loại theo TT 38/2018</i>	8.000.000
<i>Kinh phí thực hiện dự án truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019-2020 định hướng đến năm 2025</i>	350.000.000
<i>Kinh phí thực hiện dự án quản lý trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019-2020 định hướng đến năm 2025</i>	100.000.000
<i>Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	18.000.000
- Văn phòng điều phối	1.699.615.000
Kinh phí không tự chủ	
<i>KP Ban chỉ đạo + KP VP Điều phối</i>	1.332.280.000
<i>KP Chương trình MTQG XD NTM</i>	367.335.000
- Quỹ Phòng chống thiên tai	4.500.000
Kinh phí không tự chủ	
<i>Kinh phí hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thu quỹ</i>	4.500.000
- Văn phòng Sở	265.787.295
Kinh phí không tự chủ	
<i>KP thực hiện các nhiệm vụ đột xuất của cấp trên</i>	181.714.795

Nội dung	Số tiền
<i>KP tổ chức Hội nghị Nông lâm thủy lợi</i>	<i>27.000.000</i>
<i>KP phục vụ nhiệm vụ chung toàn ngành</i>	<i>39.072.500</i>
<i>KP kiểm tra công tác ATVSLĐ tại các DN theo KH hàng năm của UBND tỉnh</i>	<i>18.000.000</i>
c) Sự nghiệp thủy lợi:	73.634.848
Kinh phí không tự chủ	
- Chi Cục Thủy sản	17.150.143
Kinh phí phòng chống lụt bão + hạn hán	17.150.143
- Chi cục Trồng trọt, BVTV & Thủy lợi	56.484.705
Kinh phí Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN	56.484.705

